

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 220/2024/DS-ST
Ngày: 15/7/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Quốc Thuận;

- Ông Nguyễn Văn Bé;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2024/TLST-DS ngày 19/4/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2024/QĐ-ST ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị Ngọc L**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: **Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Lê Thị Hồng T**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: **Số B, tổ H, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

- *Bị đơn:*

Bà **Phạm Thị K**, sinh năm 1975.

Ông **Phạm Minh H**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: **Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

(Bà **T** có đơn xin vắng mặt, bà **K** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà **Đặng Thị Ngọc L** và người đại diện theo uỷ quyền là bà **Lê Thị Hồng T** trình bày:

Do quen biết nên bà có cho bà **Phạm Thị K** và ông **Phạm Minh H** vay tiền vào ngày 22/01/2021 (AL) số tiền 10.000.000 đồng để làm vốn mua dừa, thoả thuận lãi suất 03%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Biên nhận vay do bà **K** viết và ký tên;

Đến ngày 15/3/2021 (AL), bà **K**, ông **H** tiếp tục vay bà số tiền 30.000.000 đồng. Thời hạn 10 ngày, lãi suất 3%/tháng. Biên nhận vay do bà **K** viết và ký tên; Tuy nhiên sau đó bà **K**, ông **H** chỉ hứa hẹn mà không trả tiền lại cho bà dù bà đã nhiều lần yêu cầu.

Tại đơn khởi kiện ngày 26/01/2024, bà **Đặng Thị Ngọc L** khởi kiện yêu cầu bà **Phạm Thị K** và ông **Phạm Minh H** phải trả số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án bà **Phạm Thị K** mặc dù được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đặng Thị Ngọc L**.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, tại đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 29/5/2024 và bản tự khai ngày 10/7/2024, nguyên đơn (người đại diện theo uỷ quyền bà **Lê Thị Hồng T**) có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 29/5/2024, chỉ yêu cầu bà **Phạm Thị K** trả số tiền vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh tính từ ngày 15/3/2024 (Âm lịch) tức ngày 26/4/2021 (Dương lịch) với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính tròn 38 tháng, yêu cầu trả khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét. Bị đơn bà **Phạm Thị K** vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà **Đặng Thị Ngọc L** khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay, xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà **Phạm Thị K** trả nợ vay và lãi suất phát sinh, không yêu cầu ông **H** liên đới trả nợ là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2] Bị đơn bà **Phạm Thị K** cư trú trên địa bàn **huyện C** nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự:

Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định, bị đơn bà **Phạm Thị K** vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, do đó Toà án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà **Đặng Thị Ngọc L**, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà **L** khởi kiện yêu cầu bà **K** trả số tiền gốc 40.000.000 đồng và lãi suất phát sinh do chậm trả. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà **L** cung cấp cho Tòa án hai biên nhận nợ lập ngày 22/01/2021 (AL) và 15/3/2021 (AL) do bà **Phạm Thị K** viết và ký tên.

[4.1] Đối với số tiền vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Biên nhận ngày 22/01/2021 (AL) giữa bà **Đặng Thị Ngọc L** và bà **Phạm Thị K**. Xét biên nhận thể hiện nội dung: “Tôi tên **Phạm Thị K**, sinh năm 1975... Tôi có mượn của cô **T1** (**Đặng Thị Ngọc L**)

số tiền 10.000.000đ...” và ký tên **Phạm Thị K**. Xét thấy, biên nhận được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do đó, việc bà **Phạm Thị K** không thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ đối với bà **Đặng Thị Ngọc L**.

[4.2] Đối với số tiền vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Biên nhận ngày 15/3/2021 (AL) giữa bà **Đặng Thị Ngọc L** và bà **Phạm Thị K**. Xét biên nhận thể hiện nội dung “Tôi tên **Phạm Thị K**, sinh năm 1975... Tôi có mượn của cô **T1 (Đặng Thị Ngọc L)** số tiền 30.000.000đ...” và ký tên **Phạm Thị K**. Xét thấy, biên nhận được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do đó, việc bà **Phạm Thị K** không thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ đối với bà **Đặng Thị Ngọc L**.

Quá trình tố tụng bà **K** đã được Toà án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng các bị đơn không gửi các văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên hoà giải và không đến dự phiên toà, xem như không phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đặng Thị Ngọc L**: Buộc bà **Phạm Thị K** có trách nhiệm trả tổng số tiền vay gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

[4.3] Về tiền lãi: Bà **K** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà **L** yêu cầu tính lãi số tiền 40.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 26/4/2021 (tức ngày 15/3/2021 AL) đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 38 tháng. Xét việc tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi (40.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 38 tháng) = 12.616.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi suất phát sinh bà **Phạm Thị K** có nghĩa vụ trả cho bà **Đặng Thị Ngọc L** là 52.616.000 đồng.

[4.4] Về thời gian trả: Bà **L** yêu cầu bà **K** trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà **L** được chấp nhận nên bà **Phạm Thị K** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Đặng Thị Ngọc L** là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 ; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Đặng Thị Ngọc L.**

Buộc bà **Phạm Thị K** có trách nhiệm trả cho bà **Đặng Thị Ngọc L** số tiền vay và lãi suất phát sinh là 52.616.000 đồng (Năm mươi hai triệu sáu trăm mười sáu ngàn đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Về án phí: Bà **Phạm Thị K** phải chịu 2.630.800 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi ngàn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Minh